

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC GIAO DỊCH KÝ QUÝ

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
1	AAA	HOSE	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	50	9,500	50	90
2	ABT	HOSE	CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	30	60,100	30	90
3	ACB	HOSE	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	50	33,600	50	90
4	ACC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	30	14,000	30	90
5	ACG	HOSE	CTCP Gỗ An Cường	50	38,000	50	90
6	ADS	HOSE	Công ty Cổ phần Damsan	30	11,100	30	90
7	AGG	HOSE	Công ty Cổ phần đầu tư An Gia	50	17,500	50	90
8	AGR	HOSE	CTCP Chứng khoán Agribank	50	18,900	50	90
9	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	50	39,300	50	90
10	ASM	HOSE	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI	30	7,500	30	90
11	AST	HOSE	CTCP Dịch vụ hàng không Taseco	50	95,300	50	90
12	BAB	HNX	Ngân hàng Bắc Á	30	14,800	30	90
13	BAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BaF Việt Nam	50	36,000	50	90
14	BCM	HOSE	Becamex IDC	50	85,500	50	90
15	BFC	HOSE	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	50	55,800	50	90
16	BIC	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	33,000	50	90
17	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	50,100	50	90
18	BMC	HOSE	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	50	21,400	50	90
19	BMI	HOSE	Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh	50	24,400	50	90
20	BMP	HOSE	Công ty cổ phần nhựa Bình Minh	50	204,000	50	90
21	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	50	48,200	50	90
22	BSR	HOSE	CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn	50	22,000	50	90
23	BVH	HOSE	Tập đoàn Bảo Việt	50	66,900	50	90
24	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	50	43,600	50	90
25	BWE	HOSE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	50	63,100	50	90
26	CAP	HNX	Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái	50	43,000	50	90
27	CCL	HOSE	CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	30	8,500	30	90
28	CDC	HOSE	Công ty Cổ Phần Chương Dương	30	27,000	30	90
29	CDN	HNX	CTCP Cảng Đà Nẵng	30	34,400	30	90
30	CEO	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.O	50	28,000	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
31	CHP	HOSE	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Trung	30	33,900	30	90
32	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	50	27,500	50	90
33	CKG	HOSE	Xây dựng Kiên Giang	30	12,000	30	90
34	CLC	HOSE	Công ty cổ phần Cát Lợi	30	54,000	30	90
35	CMG	HOSE	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	50	48,800	50	90
36	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	50	31,500	50	90
37	CRC	HOSE	Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	50	9,800	50	90
38	CSC	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	30	24,500	30	90
39	CSM	HOSE	Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	50	17,400	50	90
40	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	50	35,700	50	90
41	CTD	HOSE	Công ty cổ phần Xây dựng Cotec	50	115,000	50	90
42	CTF	HOSE	CTCP City Auto	30	24,600	30	90
43	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam	50	66,800	50	90
44	CTI	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	26,000	50	90
45	CTR	HOSE	Công ty cổ phần Công trình Viettel	50	111,600	50	90
46	CTS	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	50	44,000	50	90
47	D2D	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	50	42,400	50	90
48	DBC	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	50	30,500	50	90
49	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	69,600	50	90
50	DC4	HOSE	CTCP Xây dựng DIC Holdings	50	14,700	50	90
51	DCL	HOSE	Dược phẩm Cửu Long	30	28,900	30	90
52	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	50	45,400	50	90
53	DGC	HOSE	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	50	121,300	50	90
54	DGW	HOSE	Công ty cổ phần Thế giới số	50	52,100	50	90
55	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hoá An	50	67,600	50	90
56	DHC	HOSE	Công ty cổ phần Đồng Hải Bến Tre	50	43,600	50	90
57	DHG	HOSE	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	50	116,200	50	90
58	DHT	HNX	Dược phẩm Hà Tây	50	80,000	50	90
59	DIG	HOSE	Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	50	24,500	50	90
60	DL1	HNX	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Alpha Seven	30	6,000	30	90
61	DMC	HOSE	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	30	63,000	30	90
62	DP3	HNX	CTCP Dược phẩm trung ương 3	50	54,500	50	90
63	DPG	HOSE	Công ty cổ phần Đạt Phương	50	59,400	50	90
64	DPM	HOSE	Tổng công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí - CTCP	50	30,900	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
65	DPR	HOSE	Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú	50	48,300	50	90
66	DRC	HOSE	Công Ty Cổ Phần Cao Su Đà Nẵng	50	20,600	50	90
67	DSC	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	30	19,800	30	90
68	DSE	HOSE	Công ty cổ phần chứng khoán DNSE	50	28,300	50	90
69	DSN	HOSE	CTCP Công viên nước Đầm Sen	30	49,000	30	90
70	DTD	HNX	CTCP Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	25,000	50	90
71	DVM	HNX	CTCP Dược liệu Việt Nam	30	7,500	30	90
72	DVP	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển cảng Đình Vũ	50	75,200	50	90
73	DXG	HOSE	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng địa ốc Đất Xanh	50	20,100	50	90
74	DXP	HNX	Cảng Đoạn Xá	50	14,000	50	90
75	DXS	HOSE	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	12,200	50	90
76	EIB	HOSE	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	50	26,000	50	90
77	ELC	HOSE	Phát triển Công nghệ ĐT - VT	50	27,700	50	90
78	EVF	HOSE	Tài chính điện lực	50	14,700	50	90
79	FCN	HOSE	Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	50	17,400	50	90
80	FIR	HOSE	CTCP địa ốc First Real	30	8,500	30	90
81	FIT	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	30	5,300	30	90
82	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	50	46,800	50	90
83	FPT	HOSE	Công ty cổ phần FPT	50	124,500	50	90
84	FRT	HOSE	Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	50	165,000	50	90
85	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	50	38,200	50	90
86	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam_CTCP	50	77,800	50	90
87	GDT	HOSE	Gỗ Đức Thành	50	24,800	50	90
88	GEE	HOSE	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX	30	108,000	30	90
89	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	50	20,300	50	90
90	GEX	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	50	48,000	50	90
91	GMD	HOSE	Công ty cổ phần Gemadept	50	87,700	50	90
92	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	50	12,000	50	90
93	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	50	35,600	50	90
94	HAG	HOSE	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	30	15,500	30	90
95	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50	74,000	50	90
96	HAX	HOSE	Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	50	14,500	50	90
97	HCD	HOSE	CTCP Đầu tư Sản xuất và thương mại HCD	30	10,500	30	90
98	HCM	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50	27,900	50	90
99	HDB	HOSE	Ngân hàng HD bank	50	35,000	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
100	HDC	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	50	38,700	50	90
101	HDG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50	41,800	50	90
102	HHP	HOSE	Công ty cổ phần HHP GLOBAL	50	14,400	50	90
103	HHS	HOSE	Công ty Cổ Phần Đầu tư - Dịch vụ Hoàng Huy	50	17,500	50	90
104	HHV	HOSE	Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50	18,500	50	90
105	HLD	HNX	BDS Hudland	30	23,500	30	90
106	HPG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50	33,000	50	90
107	HPX	HOSE	CTCP Đầu tư Hải Phát	30	5,000	30	90
108	HQC	HOSE	CTCP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân	50	3,000	50	90
109	HSG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	50	23,000	50	90
110	HT1	HOSE	Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	50	18,500	50	90
111	HTG	HOSE	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	30	51,100	30	90
112	HTI	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	30	26,500	30	90
113	HTN	HOSE	Hưng Thịnh Incons	30	10,000	30	90
114	HUB	HOSE	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế	30	18,000	30	90
115	HUT	HNX	CTCP Tasco	50	20,000	50	90
116	HVH	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	50	14,300	50	90
117	HVT	HNX	CTCP Hóa chất Việt Trì	50	36,000	50	90
118	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO	50	48,200	50	90
119	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI	30	8,500	30	90
120	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	30	34,400	30	90
121	IJC	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	50	16,500	50	90
122	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	30	32,400	30	90
123	IMP	HOSE	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	50	65,500	50	90
124	IPA	HNX	Tập đoàn IPA	50	30,000	50	90
125	ITC	HOSE	CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà	50	17,900	50	90
126	ITD	HOSE	Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	30	15,300	30	90
127	IVS	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)	30	12,100	30	90
128	KBC	HOSE	Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	50	45,500	50	90
129	KDC	HOSE	Công ty cổ phần Kinh Đô	50	56,400	50	90
130	KDH	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	50	43,200	50	90
131	KHG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	30	7,600	30	90
132	KHP	HOSE	CTCP Điện lực Khánh Hòa	30	14,700	30	90
133	KHS	HNX	CTCP Kiên Hùng	30	20,500	30	90
134	KSB	HOSE	Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	50	23,900	50	90
135	KSV	HNX	Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP	50	125,000	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
136	L14	HNX	Công ty Cổ phần Licogi 14	50	33,100	50	90
137	L18	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI 18)	30	28,000	30	90
138	LAS	HNX	Công ty Cổ phần Supe Phot phát và Hóa chất Lâm Thao	50	20,800	50	90
139	LBM	HOSE	CTY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG	30	35,700	30	90
140	LCG	HOSE	Công ty cổ phần LICOGI 16	50	14,400	50	90
141	LHC	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	50	88,200	50	90
142	LHG	HOSE	CTCP Long Hậu	50	39,000	50	90
143	LIX	HOSE	Công ty cổ phần Bột giặt Lix	50	37,600	50	90
144	LPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	50	50,000	50	90
145	LSS	HOSE	Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn	50	13,000	50	90
146	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	50	30,000	50	90
147	MBS	HNX	CTCP Chứng khoán MB	50	36,000	50	90
148	MCM	HOSE	Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu	50	33,500	50	90
149	MIG	HOSE	Bảo hiểm Quân đội	50	21,900	50	90
150	MSB	HOSE	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	50	14,700	50	90
151	MSH	HOSE	Công ty cổ phần Máy Sông Hồng	50	45,600	50	90
152	MSN	HOSE	CTCP Tập đoàn Ma San	50	95,000	50	90
153	MWG	HOSE	Công ty cổ phần đầu tư thể giới di động	50	95,000	50	90
154	NAB	HOSE	Ngân hàng TMCP Nam Á	50	16,000	50	90
155	NAF	HOSE	CTCP NaFoods Group	50	30,500	50	90
156	NAG	HNX	CTCP Tập đoàn Nagakawa	30	10,000	30	90
157	NBC	HNX	CTCP Than Núi Béo	30	10,000	30	90
158	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	50	110,000	50	90
159	NDN	HNX	CTCP Đầu tư phát triển nhà Đà Nẵng	30	14,800	30	90
160	NHA	HOSE	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	23,700	50	90
161	NHH	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	13,000	50	90
162	NKG	HOSE	Công ty cổ phần Thép Nam Kim	50	21,800	50	90
163	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50	48,300	50	90
164	NNC	HOSE	Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ	30	40,000	30	90
165	NO1	HOSE	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn 911	30	8,500	30	90
166	NSC	HOSE	Giống cây trồng TW	50	98,600	50	90
167	NT2	HOSE	Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	50	29,600	50	90
168	NTL	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	50	22,600	50	90
169	NTP	HNX	Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	50	76,000	50	90
170	OCB	HOSE	Ngân hàng Phương Đông	50	14,800	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
171	ORS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	30	10,000	30	90
172	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần Pin Ác quy miền Nam	50	30,100	50	90
173	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	50	38,600	50	90
174	PC1	HOSE	Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	50	30,600	50	90
175	PDR	HOSE	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	50	21,300	50	90
176	PET	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	50	34,000	50	90
177	PGC	HOSE	Tổng công ty Gas Petrolimex - CTCP	50	16,800	50	90
178	PGD	HOSE	Công ty cổ phần Phân phối khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam	30	25,000	30	90
179	PGS	HNX	Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam	50	34,800	50	90
180	PHR	HOSE	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	50	70,000	50	90
181	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	50	35,300	50	90
182	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50	44,200	50	90
183	PNJ	HOSE	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	50	115,600	50	90
184	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	50	18,400	50	90
185	PPC	HOSE	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	11,000	50	90
186	PPT	HNX	CTCP PETRO TIMES	30	13,500	30	90
187	PSD	HNX	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	30	17,900	30	90
188	PSI	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	30	9,800	30	90
189	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	64,800	50	90
190	PVB	HNX	Công ty cổ phần Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	50	33,000	50	90
191	PVC	HNX	Tổng CT Dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí	50	12,500	50	90
192	PVD	HOSE	Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí	50	29,000	50	90
193	PVG	HNX	CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam	30	7,500	30	90
194	PVI	HNX	Công ty Cổ phần PVI	50	91,300	50	90
195	PVP	HOSE	CTCP Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	19,500	50	90
196	PVS	HNX	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	50	40,900	50	90
197	PVT	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Vận tải dầu khí	50	22,800	50	90
198	RAL	HOSE	CCP Phích nước Rạng Đông	50	105,000	50	90
199	REE	HOSE	Công ty cổ phần Cơ điện lạnh	50	83,100	50	90
200	S99	HNX	CTCP SCI	30	10,500	30	90
201	SAB	HOSE	Tổng CTCP Bía - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	50	59,200	50	90
202	SAM	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM	50	9,600	50	90
203	SBA	HOSE	CTCP Sông Ba	30	31,500	30	90
204	SBG	HOSE	CTCP Tập đoàn cơ khí công nghệ cao SIBA	30	16,500	30	90
205	SBT	HOSE	CTCP mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	50	23,000	50	90
206	SCG	HNX	CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG	50	64,000	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
207	SCR	HOSE	Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	30	10,800	30	90
208	SCS	HOSE	CTCP Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	50	73,900	50	90
209	SGN	HOSE	Công ty phục vụ mặt đất Sài Gòn	50	74,100	50	90
210	SGR	HOSE	CTCP Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	30	27,900	30	90
211	SGT	HOSE	CTCP Công nghệ viễn thông Sài Gòn	30	18,400	30	90
212	SHB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	50	18,700	50	90
213	SHI	HOSE	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	30	15,400	30	90
214	SHS	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	50	27,200	50	90
215	SIP	HOSE	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	50	70,900	50	90
216	SJD	HOSE	CTCP Thủy điện Cần Đơn	50	17,000	50	90
217	SJE	HNX	Công ty cổ phần Sông Đà 11	30	21,000	30	90
218	SJS	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	50	71,800	50	90
219	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	50	13,600	50	90
220	SLS	HNX	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	50	175,000	50	90
221	SMB	HOSE	CTCP Bía Sài Gòn - Miền Trung	30	45,300	30	90
222	SSB	HOSE	Ngân hàng Đông Nam Á	50	20,600	50	90
223	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn	50	45,000	50	90
224	ST8	HOSE	Công ty Cổ phần Tập Đoàn ST8	30	6,000	30	90
225	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	50	60,000	50	90
226	STK	HOSE	Công ty Cổ phần Sợi Thế kỷ	50	22,400	50	90
227	SZB	HNX	CTCP Sonadezi Long Bình	30	35,000	30	90
228	SZC	HOSE	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	50	41,300	50	90
229	SZL	HOSE	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	30	47,200	30	90
230	TCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	50	42,000	50	90
231	TCH	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	50	26,400	50	90
232	TCI	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công	30	12,700	30	90
233	TCL	HOSE	Công ty cổ phần Đại lý giao nhận Vận tải xếp dỡ Tân Cảng	50	38,200	50	90
234	TCM	HOSE	Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	50	33,800	50	90
235	TCO	HOSE	CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS	50	10,000	50	90
236	TDC	HOSE	CTCP KD Phát triển Bình Dương	30	13,100	30	90
237	TDM	HOSE	Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	50	63,700	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
238	TDP	HOSE	Công ty Cổ phần Thuận Đức	30	32,300	30	90
239	TDT	HNX	CTCP Đầu tư phát triển TDT	20	7,000	-	0
240	THG	HOSE	Đầu tư Xây dựng Tiền Giang	50	54,000	50	90
241	TIP	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển khu công nghiệp Tín Nghĩa	50	24,600	50	90
242	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	50	69,200	50	90
243	TMB	HNX	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN	50	60,000	50	90
244	TNG	HNX	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	50	24,800	50	90
245	TPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	50	23,200	50	90
246	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần TRAPHACO	30	75,600	30	90
247	TRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	50	74,500	50	90
248	TTA	HOSE	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tường Thành	50	14,900	50	90
249	TV2	HOSE	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	50	38,000	50	90
250	TVD	HNX	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	30	11,000	30	90
251	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	50	20,700	50	90
252	VC3	HNX	Công ty cổ phần Xây dựng số 3	50	28,500	50	90
253	VC7	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	30	11,000	30	90
254	VCB	HOSE	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	50	80,000	50	90
255	VCG	HOSE	Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	50	30,000	50	90
256	VCI	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán VIETCAP	50	52,400	50	90
257	VCS	HNX	Công ty cổ phần Vicostone	50	57,800	50	90
258	VDS	HOSE	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	50	21,000	50	90
259	VFG	HOSE	CTCP Khử trùng Việt Nam	50	62,000	50	90
260	VFS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	20,500	50	90
261	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera	50	65,000	50	90
262	VGS	HNX	Công ty cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	50	39,000	50	90
263	VHC	HOSE	Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	50	72,200	50	90
264	VHM	HOSE	CTCP Vinhomes	50	95,000	50	90
265	VIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	50	25,200	50	90
266	VIC	HOSE	Tập Đoàn VinGroup - Công ty cổ phần	50	50,000	50	90
267	VIP	HOSE	CTCP Vận tải Xăng dầu Vipco	50	17,100	50	90
268	VIX	HOSE	CTCP Chứng khoán VIX	50	30,100	50	90
269	VJC	HOSE	Công ty cổ phần hàng không Vietjet	50	125,000	50	90
270	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	50	76,000	50	90
271	VNR	HNX	Tái Bảo hiểm Việt Nam	50	25,900	50	90
272	VPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	50	39,800	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
273	VPI	HOSE	CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest	50	57,400	50	90
274	VRE	HOSE	CTCP Vincom Retail	50	35,000	50	90
275	VSC	HOSE	Công ty cổ phần Container Việt Nam	50	28,000	50	90
276	VTP	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	50	136,300	50	90
277	VTZ	HNX	CTCP Sản xuất và Thương mại nhựa Việt Thành	50	15,000	50	90
278	YEG	HOSE	CTCP Tập đoàn Yeah1	50	14,000	50	90

Ghi chú: Giá cho vay tối đa của các sự kiện quyền sẽ được tính như sau:

- Quyền mua đã thực hiện, Cổ phiếu thưởng, Cổ tức bằng cổ phiếu: Giá cho vay tối đa = (Giá cơ sở + (Giá cổ phiếu phát hành thêm dành cho quyền mua * Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm dành cho quyền mua) - Cổ tức bằng tiền trên 1 cổ phiếu)/(1 + Tỷ lệ thực hiện cổ tức bằng cổ phiếu + Tỷ lệ thực hiện cổ tức bằng cổ phiếu thưởng + Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm dành cho quyền mua) * Hệ số rủi ro